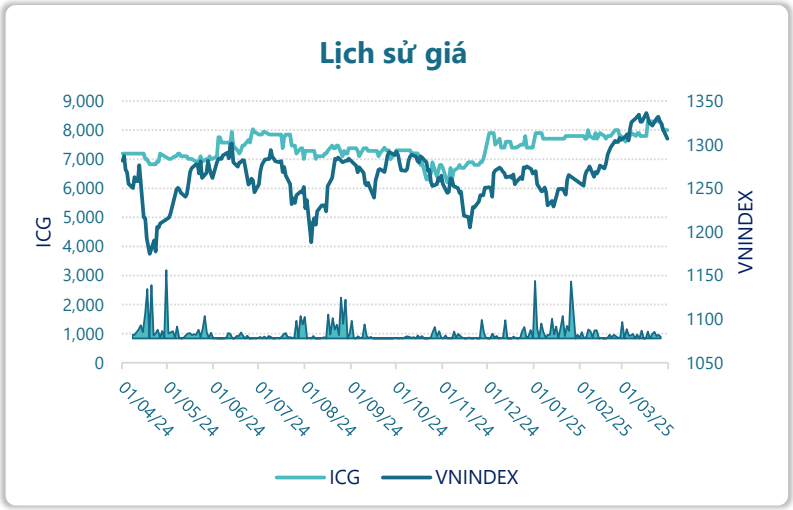
FireAnt

CTCP Xây dựng Sông Hồng (HNX: ICG)



Thông tin giao dịch	31/03/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**8,000**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	8,300
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	6,200
SL cổ phiếu LH	17,572,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	11,785
% sở hữu nước ngoài	6.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	141
P/E	-58.2
EPS	-137

DT thuần

Q1/25

1.45

tỷ VNĐ

QoQ: ▼7.20| -83.3%

YoY: ▲ 0.32| 28.1%

LN sau thuế

Q1/25

-2.20

tỷ VNĐ

QoQ: ▼6.54| -151%

YoY: ▼1.68| -323%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

18.1%

+/- YoY: ▲ 547%

DT thuần

2024

13.2

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 12.2| 1174%

LN sau thuế

2024

0.28

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 8.42| 103%

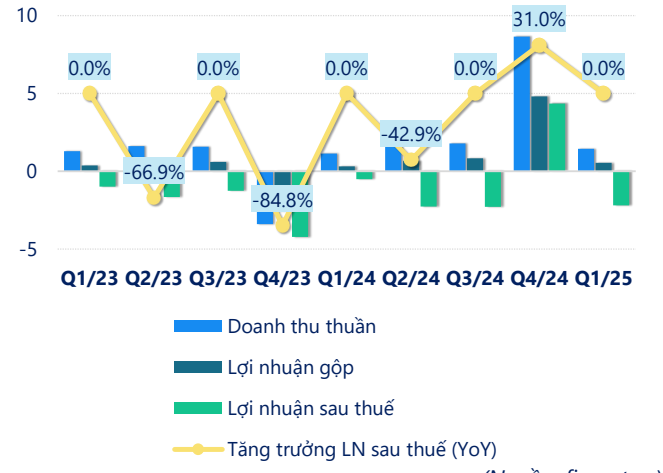
ROE

2024

0.1%

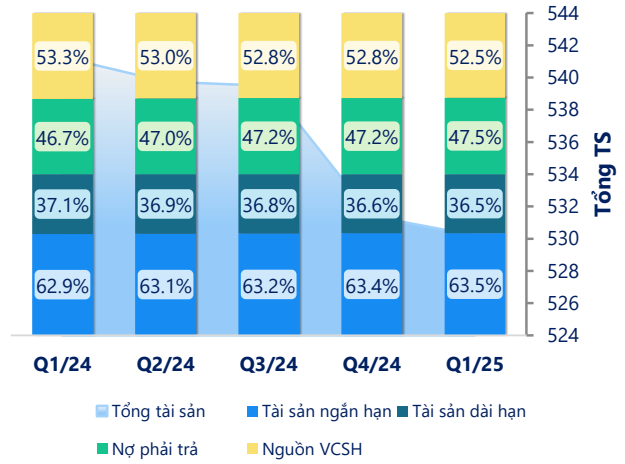
+/- YoY: ▲ 2.8%

Kết quả kinh doanh



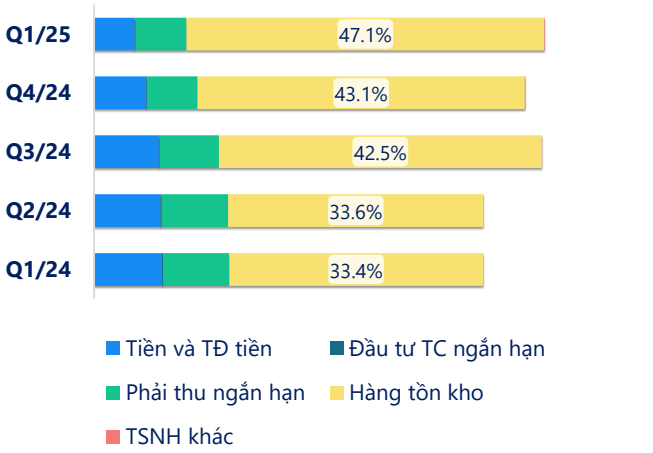
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



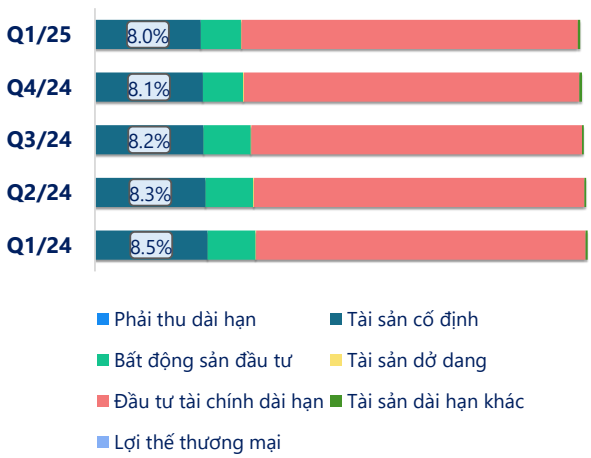
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



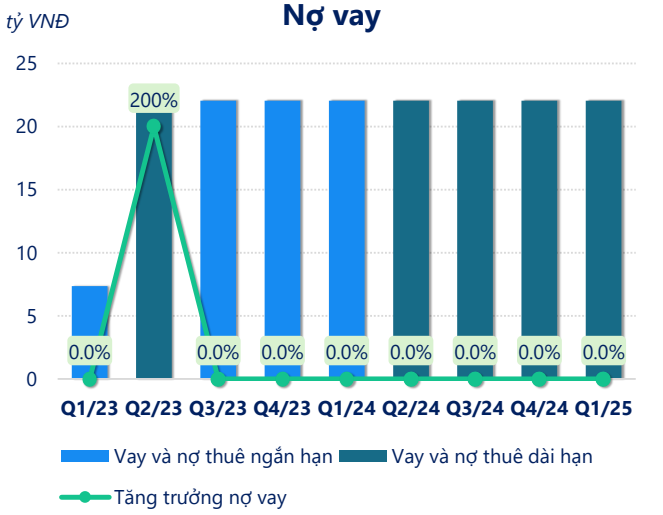
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



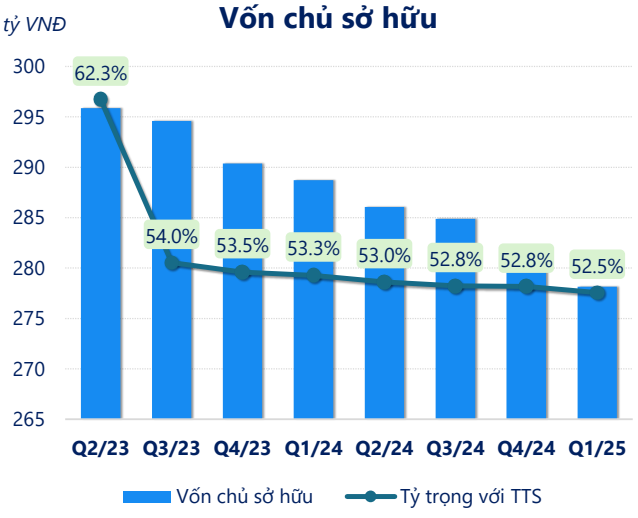
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



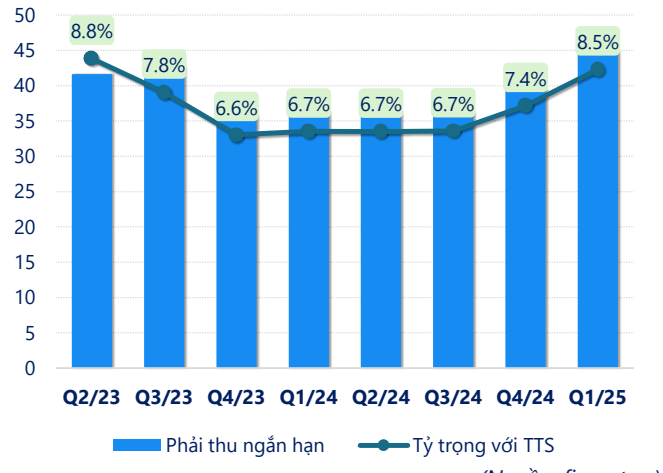
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



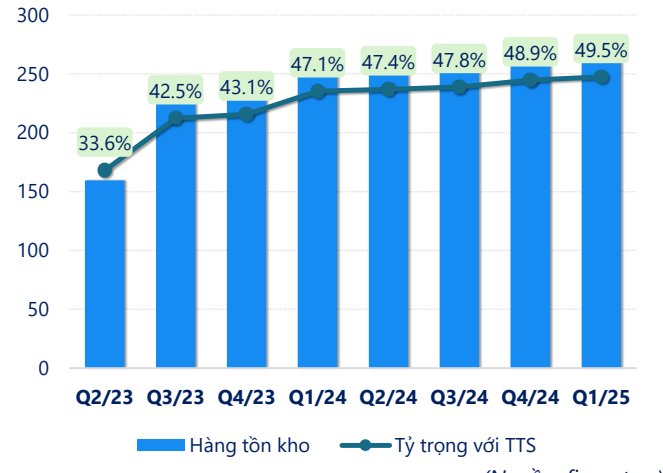
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



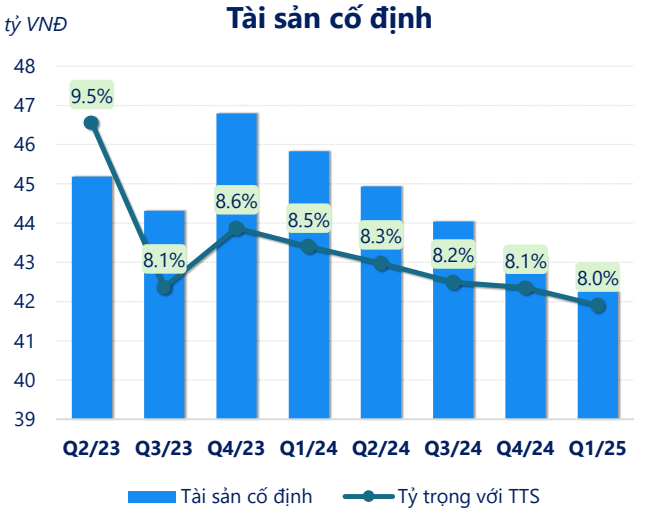
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



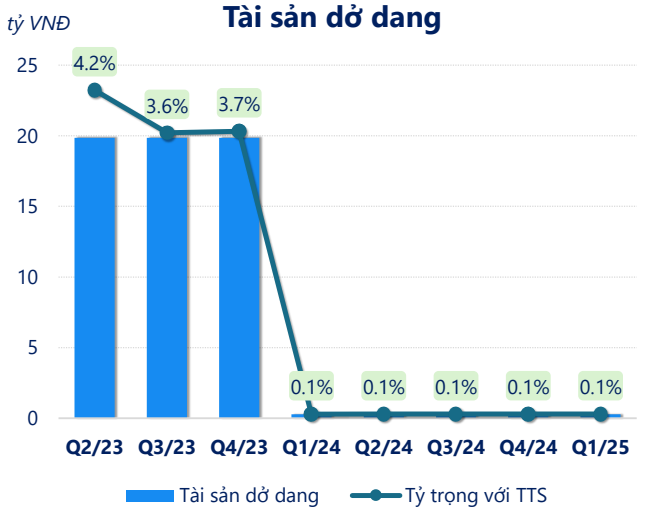
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



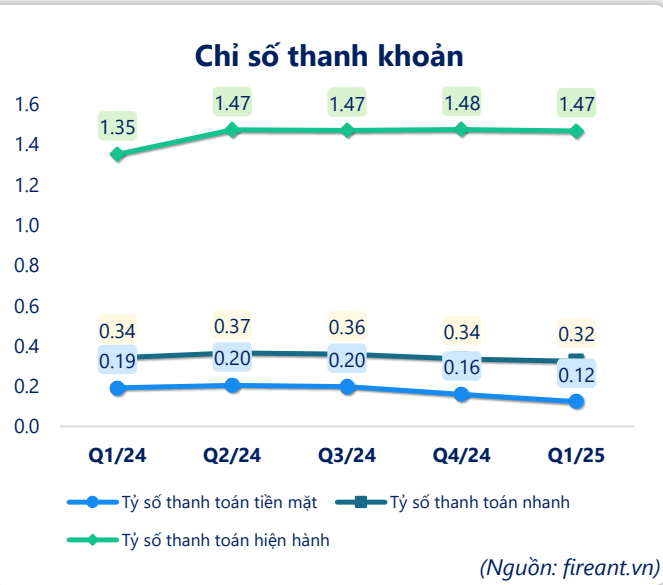
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



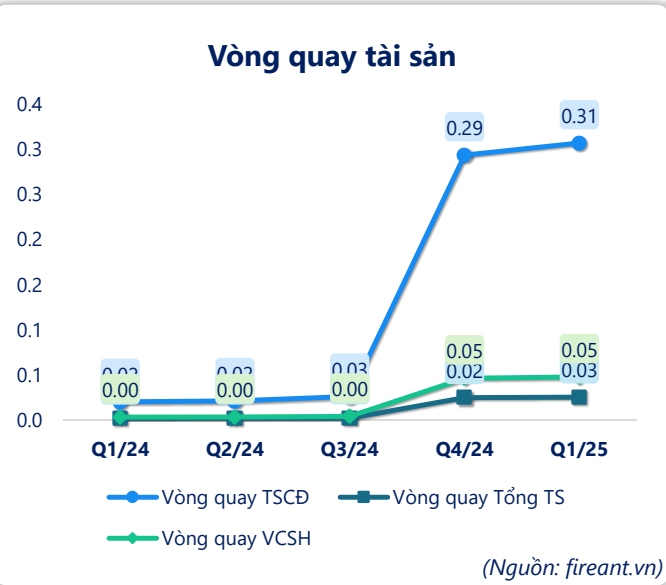
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Tổng tài sản	**541**	**540**	**539**	**531**	**530**
Tài sản ngắn hạn	**341**	**340**	**341**	**337**	**337**
Tiền và tương đương tiền	48.5	47.2	45.9	36.5	28.3
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0.75	0.75	0.75	0.78	0.78
Phải thu ngắn hạn	36.3	36.2	36.2	39.5	44.9
Hàng tồn kho	255	256	258	260	262
Tài sản ngắn hạn khác	0.41	0.35	0.34	0.01	0.30
Tài sản dài hạn	**201**	**199**	**198**	**195**	**193**
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	45.8	44.9	44.0	43.1	42.2
Bất động sản đầu tư	19.5	19.4	19.2	16.1	15.9
Tài sản dở dang	0.28	0.28	0.28	0.28	0.28
Đầu tư tài chính dài hạn	134	134	134	134	134
Tài sản dài hạn khác	0.78	0.69	0.71	1.00	0.85
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**253**	**254**	**255**	**251**	**252**
Nợ ngắn hạn	**252**	**231**	**232**	**228**	**229**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	22.1	0	0	0	0
Phải trả người bán ngắn hạn	6.78	6.10	6.11	0.44	0.44
Nợ dài hạn	0.65	22.7	22.7	22.8	22.7
Vay và nợ thuê dài hạn	0	22.1	22.1	22.1	22.1
Nguồn vốn chủ sở hữu	**289**	**286**	**285**	**280**	**278**
Vốn chủ sở hữu	**289**	**286**	**285**	**280**	**278**
Vốn điều lệ	200	200	200	200	200
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)